

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 16 - 01 - 2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy và bà Phan Thị Hòe

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Đào Giang Lệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị M, sinh năm 1996.

Nơi thường trú: Khối B, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: K, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khối B, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị M khai:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An vào ngày

24/02/2017. Kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị M và anh N sinh sống với nhau tại khối B, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ lâu nhưng đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, áp lực về kinh tế nên cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, mâu thuẫn với gia đình nhà chồng. Trước đây chị M từng nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng được gia đình hòa giải đoàn tụ. Sau khi vợ chồng quay về chung sống một thời gian nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Chị M và anh N đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Hiện nay chị N đã thuê nhà ở riêng cùng hai con tại phường Q. Nay chị M không còn tình cảm vợ chồng với anh N nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung là Nguyễn Trà M1, sinh ngày 07/9/2017 và Nguyễn Diệu N1, sinh ngày 31/7/2020. Hiện nay hai con đang ở với chị và đi học tại phường Q. Nay chị Lê Thị M đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai con chung. Tại phiên tòa, anh N yêu cầu được giao quyền nuôi một con chung là Nguyễn Diệu N1 và giao con chung là Nguyễn Trà M1 cho chị M nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con cho chị M mỗi tháng 3.000.000 đồng thì chị M không đồng ý vì anh N chuẩn bị đi lao động tại nước Úc, không có điều kiện nuôi con. Thu nhập của chị M mỗi tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đảm bảo điều kiện nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn N khai

- Về hôn nhân: Anh N thống nhất với lời khai của chị M về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị M trình bày ở trên là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do chị M mâu thuẫn với gia đình anh N, gia đình anh N không đối xử tốt với chị M. Ngoài ra vợ chồng anh còn bất đồng về kinh tế. Do không thể sống hòa hợp được nên chị M và hai con đã dọn ra ở riêng từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay chị M xin ly hôn thì anh N không đồng ý ly hôn vì anh còn yêu thương chị M và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị M có 02 con chung là Nguyễn Trà M1, sinh ngày 07/9/2017 và Nguyễn Diệu N1, sinh ngày 31/7/2020. Hiện nay hai con đang ở với chị M. Quá trình tố tụng tại Tòa án anh N thống nhất giao hai con chung cho chị M nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con

chung cho chị M mỗi tháng 3.000.000 đồng/mỗi con chung. Tại phiên tòa, anh N thay đổi yêu cầu và đề nghị được giao quyền nuôi một con chung là Nguyễn Diệu N1, giao con chung là Nguyễn Trà M1 cho chị M nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con chung cho Trà M1 mỗi tháng 3.000.000 đồng, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung Diệu N1. Trường hợp Tòa án giao hai con chung cho chị M nuôi dưỡng thì anh N vẫn cấp dưỡng nuôi con cho chị M 3.000.000 đồng/ mỗi con chung. Hiện anh N chuẩn bị đi lao động tại nước Úc nhưng nếu được Tòa án giao con chung thì anh sẽ không đi lao động nước ngoài nữa. Thu nhập của anh N mỗi tháng 10.000.000 đồng.

- Về quan hệ tài sản: Anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân của chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn N: Nguyên nhân mâu thuẫn của chị M và anh N là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trà M1, sinh ngày 07/9/2017 và Nguyễn Diệu N1, sinh ngày 31/7/2020. Hiện nay hai con đang ở với chị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

-Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị M, cho chị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: giao cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, cháu Nguyễn Trà M1, sinh ngày 07/9/2017 và cháu Nguyễn Diệu N1, sinh ngày 31/7/2020 đến khi trưởng thành 18 tuổi.

3. Về án phí: chị Lê Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại khối B, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/02/2017 tại ủy ban nhân dân phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn N đều thừa nhận nguyên nhân chị M và anh N xảy ra mâu thuẫn là tính cách vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng còn mâu thuẫn về kinh tế, mâu thuẫn giữa chị M và gia đình anh N. Mặc dù được gia đình hai bên và Tòa án hòa giải cho vợ chồng quay về đoàn tụ một thời gian nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Chị M và hai con đã dọn ra ngoài ở riêng từ đầu năm 2023 cho đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Tuy anh N mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị M đã không còn tình cảm vợ chồng với anh N, cuộc sống vợ chồng của chị M và anh N không thể tiếp tục, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

[3]. Về con chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn N có hai con chung là Nguyễn Trà M1, sinh ngày 07/9/2017 và Nguyễn Diệu N1, sinh ngày 31/7/2020. Xét nguyện vọng được nuôi con chung của chị M và anh N là chính đáng, chị M và anh N đều đủ điều kiện để được giao quyền nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện nay hai con chung đang ở với chị M cuộc sống ổn định và đang học tại phường Q. Để đảm bảo ổn định cuộc sống, tâm lý và tình cảm của các con chung, không chia cắt tình cảm chị em giữa các con chung, giảm thiểu sự xáo trộn về môi trường sống của con chung, ưu tiên bảo đảm lợi ích của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cả hai con chung cho chị Lê Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình “ Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung

nhưng anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/mỗi con chung. Việc anh N yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định pháp luật, góp phần đảm bảo tốt hơn cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị M. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung của anh N. Việc cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 01/2024 đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

[5]. Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

[6]. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn N. Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 24 tháng 02 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Trà M1, sinh ngày 07/9/2017 và Nguyễn Diệu N1, sinh ngày 31/7/2020 cho chị Lê Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/mỗi con chung tính từ tháng 01/2024 đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai theo biên lai số 0008264 ngày 06/11/2023. Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị M, anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- Chi cục THADS tx Hoàng Mai;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS;
- UBND phường Quỳnh Thiện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Hồng Lĩnh